

SỞ Y TẾ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT
BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KSBT-KHNV

Sơn La, ngày tháng 6 năm 2025

V/v mời báo giá mua sắm hoá chất, vật tư
xét nghiệm thực hiện nhiệm vụ chuyên
môn năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát
bệnh tật tỉnh Sơn La

Kính gửi: Các nhà cung cấp hoá chất, vật tư xét nghiệm tại Việt Nam

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La có nhu cầu tiếp nhận báo giá để làm cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho hoạt động mua sắm Hoá chất, vật tư xét nghiệm thực hiện nhiệm vụ chuyên môn năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật kính mời quý Công ty/Đơn vị có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật, có khả năng cung cấp hàng hóa báo giá Hoá chất, vật tư xét nghiệm với những nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La. Địa chỉ: Số 84A, đường Lò Văn Giá, Tổ 4, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Bà. Nguyễn Thị Huệ, phòng Kế hoạch-Nghiệp vụ;
- SĐT: 0946071980 (trong giờ hành chính)
- Email: phongkhnvcdc@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Bằng văn bản có đóng dấu của Công ty/Đơn vị qua Địa chỉ: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn, số 84A, đường Lò Văn Giá, Tổ 4, Phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày đăng tải công khai trên Hệ thống mạng Đấu thầu quốc gia và trên cổng thông tin điện tử của đơn vị đến 17 giờ 00 phút ngày 26 tháng 6 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày ký.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục Hoá chất, vật tư xét nghiệm thực hiện nhiệm vụ chuyên môn năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La (theo phụ lục 01 đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp hàng hoá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La.
Địa chỉ: số 84A, đường Lò Văn Giá, tổ 4, Phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La;

3. Thời gian dự kiến thực hiện mua sắm: Quý III/2025.

4. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo số lượng thực tế mua sắm.

5. Các thông tin báo giá (*theo phụ lục 02 đính kèm*)

Báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển đến Trung tâm, phí, lệ phí liên quan (nếu có).

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La rất mong nhận được sự quan tâm và bản báo giá của quý Công ty/Đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng tải hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Cổng Thông tin điện tử TT (để đăng tải);
- Lưu: VT, HST, KHN.V.

GIÁM ĐỐC

Lê Hồng Trường

DANH MỤC

Hoá chất, vật tư xét nghiệm thực hiện nhiệm vụ chuyên môn năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La
(kèm theo Công văn số /KSBT-KHNV ngày /6/2025 của TTKSBT)

STT	Tên Hoá chất, vật tư xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Viên nén khử khuẩn	Sodium Dichloroisocyanurate (hay Troclosene Sodium) khan 50%; thành phần khác 50%	Viên	1.900	
2	Dung dịch sát khuẩn	Sát khuẩn vết thương, sát khuẩn da, Sát khuẩn dụng cụ y tế; 500ml/chai	Chai	10	
3	Acid acetic 3%	Nồng độ : 3%; 500ml/chai. Dùng trong xét nghiệm	Chai	20	
4	Dung dịch Lugol 3%	Nồng độ : 3%; 500ml/chai. Dùng trong xét nghiệm	Chai	20	
5	Dầu Parafin	Trong suốt không màu, không mùi, không vị. không tan được trong nước và ethanol; 500ml/chai. Dùng trong xét nghiệm	Chai	10	
6	Lam kính nhám	Chất liệu thủy tinh trong suốt có một đầu nhám, kích thước: dày 1-1,2mm; ngang 25,4 x 76,2mm, hộp 72 miếng	Hộp	70	
7	Bông y tế thấm nước	100% sợi cotton từ bông xơ tự nhiên, có độ thấm hút cao. Đạt tiêu chuẩn ISO	Kg	22	
8	Cồn 70 độ	Thành phần ethanol 70%. Sát trùng vết thương, khử trùng dụng cụ y tế; 500ml/chai	Chai	46	
9	Dung dịch nước muối NaCl 0,9%	Nước tinh khiết và NaCl; 500ml/chai	Chai	15	
10	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 80% (v/v); Isopropyl alcohol (Isopropanol) 7.2% (v/v) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alpha- Terpineol, Alpha-Bisabolol, Aloe Vera, Vitamin E...) vừa đủ 100%.500ml/chai	Chai	112	
11	Que lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm tế bào tử cung	Mỗi cây chứa trong 1 bao plastic, chất liệu gỗ thông có màu ngà hơi vàng và mùi tinh dầu thông tự nhiên	Que	2.000	
12	Bơm hút thai 1 van	Bơm hút chân không bằng tay với các ống hút là dụng cụ để hút thai và sinh thiết nội mạc tử cung một cách an toàn và hiệu quả. Dụng cụ này chỉ được dùng bởi các nhân viên y tế đã được đào tạo hoặc dùng dưới sự giám sát của các nhân viên này	Bộ	1	

STT	Tên Hoá chất, vật tư xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
		Mỗi ống hút tùy thuộc vào kích cỡ và công dụng khác nhau. Ống hút thai dùng cho bơm hút thai 1 van bao gồm 3 ống có kích cỡ: 4cm, 5cm, 6cm.			
13	Gel siêu âm	Thành phần : Carbomer, nước, Propylen Glycol, Glycerin Triethanolamin, nipagin, nipasol, màu xanh hoặc không màu	Lít	70	
14	Giấy siêu âm	Giấy in nhiệt dùng trong y tế để in hình ảnh siêu âm đen trắng. Kích thước: 110 mm x 20m.	Cuộn	70	
15	Test Chlamydia	Phát hiện định tính, trực tiếp kháng nguyên Chlamydia trachomatis. - Mẫu phẩm: Dịch cổ tử cung nữ giới, dịch niệu đạo, nước tiểu nam giới -Phân loại trang thiết bị y tế thuộc loại C - Ngưỡng phát hiện: 5×10^4 IFU/ml - Độ nhạy: 93,58% ; Độ đặc hiệu: 99,08% Thành phần kit thử: 1. Cộng hợp kháng thể đơn dòng kháng Chlamydia (Chlamydia McAb conjugate): 10 µg/ml; 2. Kháng thể đơn dòng chuột kháng Chlamydia (Chlamydia monoclonal antibody mouse): 0.75 mg/ml; 3. Kháng thể đa dòng dê kháng IgG chuột (Anti-mouse IgG polyclonal antibody goat): 2.25 mg/ml. - Không phản ứng chéo với: Streptococcus, Herpes simplex virus, Mycoplasma hominis.....	Test	1.500	
16	Bao cao su	Thành phần:Mủ cao su thiên nhiên, silicon, hương liệu tạo mùi. Kích thước Dài: 170 ± 2 mm Rộng: 52 ± 2 mm	Cái	3.600	
17	Ống nghiệm EDTA 2ml	Ống nghiệm kích thước $\geq 12 \times 75$ mm sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế. Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm Hbale...) - Thể tích ống nghiệm tùy loại: từ 2.0ml đến 10ml.	Ống	1.000	

STT	Tên Hoá chất, vật tư xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
		- Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid Dipotassium (EDTA K2), dùng kháng đông từ 0.5ml đến 7ml máu tương ứng với vạch lấy mẫu trên nhãn ống. Hóa chất EDTA là K2 và ở dạng lỏng hoặc đông khô. - Nắp đáy ống nghiệm được sản xuất tùy theo nhu cầu: nắp nhựa màu xanh dương. Màu nắp có thể thay đổi tùy theo nhu cầu			
18	Test nhanh chẩn đoán HIV	phát hiện định tính tất cả các kháng thể đặc hiệu với HIV-1 bao gồm nhóm phụ O và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần mao mạch và tĩnh mạch người. - Độ nhạy: 99.78% với mẫu huyết tương, 99.84% với mẫu huyết thanh, 99.01% với mẫu máu toàn phần tĩnh mạch, 100% với mẫu máu toàn phần mao mạch - Độ đặc hiệu: 100% với mẫu huyết tương và máu toàn phần, 99.92% với mẫu huyết thanh. Thành phần chính: Vạch thử T1: protein tái tổ hợp gp41 của HIV-1, gp41 của HIV-1 phân nhóm O; Vạch thử T2: gp36 của HIV-2; Vạch chứng: kháng thể đơn dòng kháng IgY gà; Đệm liên hợp: cộng hợp gp41 của HIV-1 keo vàng/gp41 của HIV-1 phân nhóm O keo vàng; gp36 của HIV-2 keo vàng,	Test	500	
19	Test thử nhanh chẩn đoán HCV	Phát hiện định tính các kháng thể đặc hiệu đối với HCV trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người. - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 97.67% - Độ đặc hiệu trên mẫu bệnh phẩm 100% (200/200), độ đặc hiệu trên mẫu phụ nữ mang thai 100% (204/204), độ đặc hiệu trên mẫu phản ứng chéo tiềm ẩn 100% - Không bị ảnh hưởng bởi các hợp chất thường hiện diện trong mẫu: Ribavirin, Caffein, Ethanol, máu toàn phần của phụ nữ mang thai,...Không phản ứng chéo với các chủng vi sinh vật: Viêm gan A, B, Influenza A/B, Dengue, Rotavirus, Syphilis, Rubella, Salmonella,...	Test	600	

STT	Tên Hoá chất, vật tư xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
20	Test thử nhanh viêm gan HBsAg	Phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B(HBsAg) có mặt trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. Không cần dung dịch đệm (lo Buffer). Độ nhạy: 100%, độ đặc hiệu: 100% so với CLIA. Ổn định 8 tuần tại 55 +/-1oC . Độ chính xác 100%. Bảo quản: 2-40oC. Kết quả xét nghiệm ổn định tới 30 phút Không phản ứng chéo với: Chikungunya, Zika, S.pneumoniae, S.pyogenese, Legionella pneumoniae, Malaria Plasmodium falciparum, Malaria Plasmodium vivax, Influenza A (H1N1, H3N2), Influenza B, E.coli (k99), Salmonella typhi, Rotavirus typ I, II, III, IV; HIV, HCV Hàm lượng: - Kháng thể đơn dòng kháng HBs: $0,75 \pm 0,15\mu\text{g}$ - Kháng thể đơn dòng kháng IgY gà: $0,6 \pm 0,12\mu\text{g}$ - Kháng thể đơn dòng kháng HBs- gắn keo vàng: $0,08 \pm 0,16\mu\text{g}$ - IgY gà- gắn keo vàng: $0,015 \pm 0,003\mu\text{g}$	Test	1.000	
21	Test thử nhanh chẩn đoán Giang mai	Xét nghiệm miễn dịch sắc ký nhanh để phát hiện định tính kháng thể kháng giang mai từ huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người. - Độ nhạy: 100%, độ đặc hiệu 99.1% so với TPHA - Không xảy ra phản ứng chéo với các tác nhân gây bệnh thường gặp sau: Huyết tương dương tính với: Dengue IgG/IgM, HBV, Chikungunya IgG, Chikungunya IgM, Zika IgG, Zika IgM, HIV-1, HCV - Không xảy ra tương tác với các hợp chất: EDTA, Heparin, Natri citrat, Hemoglobin, Albumin người, Bilirubin, Ribavirin, Doxycyclin hydrat, Aspirin, Ciprofloxacin, Quinin, Ibuprofen, Acetaminophen.	Test	500	
22	Test que thử nước tiểu	Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leukocyte, SG. - Dải đo của các chỉ số: Protein: 15-30mg/dL albumin	Test	1.000	

STT	Tên Hoá chất, vật tư xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
		Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin,Leukocyte: 5-15 Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion,Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid pH: 4.6- 8.0,SG: 1.001-1.035, Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL,E31Urobilinogen: 0.2EU/dL - Trên thanh thử có miếng dán (ID band) có tác dụng kích hoạt kiểm tra tự động.			
23	Bộ nhuộm Gram	(Bộ nhuộm Gram) gồm 4 chai: Crystal Violet, Lugol, Decolor, Safranin.	Bộ	8	
24	Chẩn đoán mang thai trên phụ nữ	Định lượng beta-HCG trong mẫu máu toàn phần, huyết thanh. Thời gian đọc kết quả 15 phút. Mẫu: máu toàn phần, huyết thanh Bảo quản: từ 2-30C. Máy xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang Standard™ F200	Test	100	
25	Định lượng chỉ số HbA1c	Định lượng HbA1c. Thời gian đọc kết quả 3 phút. Mẫu: Máu toàn phần. Lượng mẫu: 5 microlit Giới hạn định lượng: 4 ~ 15 % [NGSP], 20 ~ 140 mm/mol [IFCC] Bảo quản: từ 2-30 độ C Hạn dùng 18 tháng kể từ ngày sản xuất. Là test thử theo máy Standard F.	Test	250	
26	Bộ nhuộm PAP	Bộ 3 chai dạng lỏng dùng để nhuộm tế bào	Bộ	2	

STT	Tên Hoá chất, vật tư xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
27	Hóa chất xét nghiệm huyết học dung dịch Hemolyac	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 4 đến 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Muối amoni bậc 4 3.7% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày	Chai (500ml)	4	
28	Hóa chất xét nghiệm huyết học dung dịch Cleanac	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: xanh lá Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene tridecylether: 0.049% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 180 ngày	Lít	10	
29	Hóa chất xét nghiệm huyết học dung dịch Isotonac -3	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium chloride 0.44%, Sodium sulphate anhydrous 0.97% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 60 ngày	Lít	72	
30	Ống nghiệm thủy tinh (13 x 100mm)	Ống nghiệm thủy tinh dùng trong thí nghiệm với đa dạng kích thước ống cho nhiều mục đích ứng dụng. Ống nghiệm thủy tinh	Cái	400	

STT	Tên Hoá chất, vật tư xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
		dùng phòng thí nghiệm, thực hiện các phản ứng hoá học. Màu sắc: Trong suốt.			
31	Pipet (10 - 100ul)	Dụng cụ đo chuyển chất lỏng với thể tích chất lỏng từ 10- 100 ul.Chất liệu: Nhựa PP	Cái	1	
32	Pipet (1 - 10ml)	Dụng cụ đo chuyển chất lỏng với thể tích chất lỏng từ 1-10ml .Chất liệu: Nhựa PP	Cái	1	
33	Bát sát khuẩn Inox	Bát inox đựng dung dịch sát khuẩn, các dung dịch cồn, dung dịch sát trùng hay nhiều loại dung dịch thuốc khác. Thành phần: hợp kim inox không gỉ (gồm Niken và Crom)	Cái	20	
34	Kim chích máu Blood Lancets	Dùng để lấy máu bệnh nhân	Cái	300	
35	Đầu côn trắng	Đầu tip hay đầu côn sử dụng trong pipet hút mẫu tự động hay còn gọi là micropipet. Để hút chính xác dung dịch với một thể tích nhất định trong thí nghiệm, các nghiên cứu sinh sử dụng micropipet hay dụng cụ hút mẫu tự động, có thể canh chuẩn xác dung tích cần hút sau một lần nhấp. - Sản phẩm đầu tip – đầu côn micropipet thường được sử dụng trong phòng thí nghiệm, phòng labs, phòng nghiên cứu. Thành phần: nhựa Dung tích: 1,000-10,000 ul	Cái	500	
36	Đầu côn vàng	Chất liệu nhựa Polypropylene, màu vàng thể tích 200 µl.	Túi	2	
37	Đầu côn xanh	Chất liệu nhựa Polypropylene, màu xanh thể tích 1000 µl.	Túi	2	
38	Khẩu trang y tế	100% nguyên phụ liệu sạch. Có từ 2-4 lớp vải không dệt dạng phẳng có nếp khâu Thanh nếp mũi : bằng nhựa hoặc kim loại dễ điều chỉnh, tác dụng kẹp khít khẩu trang trên sống mũi, giúp khẩu trang ôm sát mặt. Dây đeo có tính đàn hồi như dây thun mềm, có độ đàn hồi tốt.50 cái/ hộp	Cái	7.400	
39	GOT (GOT(ASAT)	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng AST; Thành phần: TRIS-Buffer pH 7,8 99mmol/l; L-Aspartate 250mmol/l; EDTA 16mmol/l; Malate Dehydrogenase (MDH) $\geq 0,5\text{kU/L}$; Lactate dehydrogenase (LDH) $\geq 1,5\text{kU/L}$; CAPS pH 9,6 85mmol/l;	Hộp	2	

STT	Tên Hoá chất, vật tư xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
		NADH 1,5mmol/l; 2-Oxoglutarate 113mmol/l; Dải tuyến tính: 1 – 1000 U/L; Bước sóng: 340nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Thể tích 6 x70 ml + 6x15ml			
40	GPT/ALAT (GPT(ALT))	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng ALT; Thành phần: TRIS buffer pH 7,8 95mmol/l; L-Alanine 600mmol/l; EDTA 5,8mmol/l; Lactate dehydrogenase LDH $\geq 1,5$ kU/L; CAPS pH 9,6 85mmol/l; 2-oxoglutarate 113mmol/l; NADH 1,4mmol/l; Dải tuyến tính: 1–1300U/L; Bước sóng: 340nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Thể tích 6 x70 ml + 6x15ml	Hộp	2	
41	Cholesterol	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng cholesterol; Thành phần: PIPES pH 6,9 40mmol/l; Phenol 5,3mmol/l; 4-Aminoantipyrine 0,29mmol/l; Lipoprotein Lipase LPL / CHE $\geq 0,5$ kU/L; Cholesterol oxidase CHO $\geq 0,2$ kU/L; Peroxidase POD $\geq 1,0$ kU/L; Dải tuyến tính: 5–1200mg/dl; Bước sóng: 546nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương. Thể tích 4x100mL + Std	Hộp	2	
42	Glucose	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng glucose; Thành phần: Phosphate Buffer pH 7.5 96mmol/l; Phenol 5mmol/l; Potassiumhexacyanoferrat 7 μ mol/L; 4-Aminoantipyrine 360 μ mol/L; Glucose oxidase GOD ≥ 20 kU/L; Peroxidase POD $\geq 1,5$ kU/L; Detergent and Stabilizer $\leq 0,1\%$; Dải tuyến tính: Huyết thanh/ huyết tương/ dịch não tủy: 1.4 – 400 mg/dL); Bước sóng: 546nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương và dịch não tủy; Thể tích 6 x 70 ml	Hộp	2	
43	Triglycerides	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng triglyceride; Thành phần: PIPES pH 7,0 40mmol/l; 4-Chlorphenol 5,4mmol/l; ATP 1,6mmol/l; Mg ²⁺ 4,6mmol/l; Glycerokinase GK $\geq 0,8$ kU/L; Peroxidase POD $\geq 0,8$ kU/L; Lipoproteinlipase LPL ≥ 2 kU/L; 4-Aminoantipyrine 0,29mmol/l; Glycerol-3-phosphat oxidase GPO $\geq 3,0$ kU/L; Dải tuyến tính: 0,016–22,8mmol/l; Bước sóng: 505nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Thể tích 6x70ml	Hộp	2	

STT	Tên Hoá chất, vật tư xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
44	Uric Acid	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng axit uric; Thành phần: Phosphate Buffer pH 7,0 50mmol/l; 3,5-Dichlorhydroxybenzolsulfonic; acid DCHBS 6mmol/l; 4-Aminoantipyrine 0,3mmol/l; K ₄ [Fe(CN) ₆] 7,8µmol/L; 4-Aminoantipyrine: 1,9mmol/l; Glycerol: 16%; Peroxidase POD: >10kU/L; Uricase: >1kU/L; Dải tuyến tính: 1–25mg/dL (4,2–1190µmol/L); Bước sóng: 546nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Thể tích 6x70ml/6x15ml	Hộp	2	
45	Urea-UV	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng ure; Thành phần: TRIS-Buffer pH 8,0 49mmol/l; EDTA 5,8mmol/l; 2-Oxoglutarate 2,4mmol/l; ADP 2,9mmol/l; Urease ≥ 9kU/L; Glutamate dehydrogenase GLDH ≥ 0,7kU/L; NADH 2,1mmol/l; CAPS pH 9,6 85mmol/l; Phương pháp: 2 point End; Dải tuyến tính: Huyết thanh, huyết tương: 0.72–400 mg/dL (0,33–66,6mmol/l), Nước tiểu: đến 30g/dL; Bước sóng: 340nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Thể tích 6x70ml/6x15ml	Hộp	2	
46	Creatinine Jaffe	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng creatinine; Thành phần: Sodium Hydroxide 160mmol/l; Disodiumhydrogenphosphate 6,7mmol/l; Picrid Acid 20mmol/l; Phương pháp: Jaffé method; Dải tuyến tính: 0,053–40,0mg/dL; Bước sóng: 505nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Thể tích 6x70ml/6x15ml	Hộp	2	
47	Nước rửa máy sinh hóa extran ma 05	Polyethyleneglycoldodecy ether với >5-20mol ethylene oxide, emulsifier K30 và sodium hydroxide	Hộp	2	
48	GGT	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng GGT; Thành phần: Tris 120mmol/l; Glycylglycine 150mmol/l; Pipes pH 5,1 180mmol/l; L-Gamma-glutamyl-3-carboxy-4-nitro-anilide 19mmol/l; Dải tuyến tính: 1-1.800 U/L; Bước sóng: 405nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Thể tích 6x70mL + 6x15mL	Hộp	2	
49	LDL Cholesterol	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng LDL-cholesterol; Thành phần: MES Buffer pH 6,5; PEGME/PVS mixture ≤ 1%;	Hộp	2	

STT	Tên Hoá chất, vật tư xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
		Cholesteroloxidase > 500 U/L; Cholesterolerastase > 250 U/L; Peroxidase > 10kU; 4-Aminoantipyrine 4mmol/l; MES Buffer pH 6,5; N,N-Bis(sulfobutyl)methylaniline < 1mmol/l; Dải tuyến tính: 0-6mmol/l (1,64 - 250mg/dL); Bước sóng: 600nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Thể tích 4x60mL + 4x20mL			
50	HDL Cholesterol	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-cholesterol; Thành phần: MES buffer, pH 6.5; N,N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methyl-aniline; TODB; Polyvinyl sulfonic acid; Polyethylene-glycol-methyl ester; MgCl ₂ ; EDTA; MES buffer, pH 6.5; Cholesterolerastase; Cholesteroloxidase; Peroxidase; 4-Aminoantipyrine; Dải tuyến tính: 0,03-4,70mmol/l; Bước sóng: 600nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Thể tích 4x60mL + 4x20mL	Hộp	2	
51	DutchTrol - N Multicontrol	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức bình thường bao gồm các chỉ số: ACP, Albumin, ALP, Amylase, Bilirubin-Total và Direct, Calcium, Chloride, Cholesterol, HDL, LDL, CHE, CK, CK-MB, Copper, Creatinine, GLDH, Glucose, GOT, GPT, GGT, HBDH, Iron, Lactate, LDH, Lithium, Lipase, Magnesium, Phosphorus, Potassium, Protein, Sodium, Triglyceride, Urea, Uric Acid, Zinc.....; Thể tích 1 x 5ml	Lọ	2	
52	DutchTrol - P Multicontrol	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức bệnh lý bao gồm các chỉ số: ACP, Albumin, ALP, Amylase, Bilirubin-Total và Direct, Calcium, Chloride, Cholesterol, HDL, LDL, CHE, CK, CK-MB, Copper, Creatinine, GLDH, Glucose, GOT, GPT, GGT, HBDH, Iron, Lactate, LDH, Lithium, Lipase, Magnesium, Phosphorus, Potassium, Protein, Sodium, Triglyceride, Urea, Uric Acid, Zinc.....; Thể tích 1 x 5ml	Lọ	2	
53	Phim khô X-Quang	Phim làm từ Polyethylene terephthalate (PET) dùng cho chụp X-Quang y tế, tạo ra hình ảnh sắc nét bằng nhiệt, laser hoặc bằng hóa chất rửa phim chuyên dụng. Kích thước: 25cm x 30cm(10"x12" in).	Hộp	5	

STT	Tên Hoá chất, vật tư xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
54	Ống ly tâm	Dùng để đựng mẫu hoặc cho máy ly tâm xét nghiệm. Kích thước 15ml	Cái	1.000	
55	Săng vải	Săng không lỗ, làm bằng vải không dệt, không hút nước, có độ thoáng khí. Săng mổ được sử dụng rộng rãi trong phòng khám, bệnh viện. Sử dụng nhiều lần. Kích thước 80 x 80 cm	Cái	50	
56	Săng vải	Làm bằng vải, Săng mổ được sử dụng rộng rãi trong phòng khám, bệnh viện. Sử dụng nhiều lần. Kích thước 120 x 140 cm	Cái	50	
57	Băng keo chỉ thị nhiệt hấp ướt	Băng keo chỉ thị nhiệt dùng trong hấp ướt, kích thước 19mm x 50m	Cuộn	1	
58	Băng keo chỉ thị nhiệt hấp khô	Băng keo chỉ thị nhiệt dùng trong hấp khô, kích thước 19mm x 50m	Cuộn	1	
59	Ống thổi chức năng hô hấp	Bằng giấy, kích thước 24mmx75mm	Hộp	10	
60	Giấy in kết quả đo chức năng hô hấp	Kích thước 110x45mm	Cuộn	10	
61	Dụng cụ tránh thai	Vòng tránh thai được làm bằng chất dẻo (polyethylene), hình chữ T có cánh dọc được cuộn khoảng 176mg $\pm$ 11mg dây đồng, hai cánh ngang mỗi bên lồng một ống đồng nặng khoảng 68,7mg $\pm$ 3mg. Tổng diện tích bề mặt là khoảng 380mm ² $\pm$ 23mm ² (milimét vuông)	Cái	200	
62	Dao mổ (lưỡi dao số 21)	Lưỡi dao mổ được làm bằng thép carbon/ thép không gỉ. Chúng được đóng gói trong các túi giấy bạc có vỏ ngoài.	Cái	100	
63	Ống hút thai số 4 cho bơm Karman 1 van	Ống hút được khử trùng bằng ethylene oxide sau khi đóng gói và vẫn vô trùng cho đến ngày hết hạn được nêu,miễn là gói đóng vẫn nguyên vẹn	Cái	50	
64	Ống hút thai số 5 cho bơm Karman 1 van	Ống hút được khử trùng bằng ethylene oxide sau khi đóng gói và vẫn vô trùng cho đến ngày hết hạn được nêu,miễn là gói đóng vẫn nguyên vẹn	Cái	200	

STT	Tên Hoá chất, vật tư xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
65	Ống hút thai số 6 cho bơm Karman 1 van	Ống hút được khử trùng bằng ethylene oxide sau khi đóng gói và vẫn vô trùng cho đến ngày hết hạn được nêu, miễn là gói đóng vẫn nguyên vẹn	Cái	100	
66	Sinh phẩm xét nghiệm ma túy 4 chân	"Là xét nghiệm miễn dịch cạnh tranh, nhanh chóng, định tính phát hiện các chất gây nghiện (Drug-of-Abuse-DOA) và/ hoặc các chất chuyển hóa của chúng trong nước tiểu người. -Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC - Ngưỡng phát hiện (cut-off), AMP: 500 ng/ml ; MET: 500 ng/ml ; OPIATES Morphin): 300 ng/ml ; THC: 50 ng/ml - Độ nhạy: MET : 100% ; OPI : 100%; THC : 99.12% ; AMP: 100% - Độ đặc hiệu: MET : 100% ; OPI : 100%; THC : 99.53% ; AMP: 100% - Thời gian đọc kết quả trong vòng 3-8 phút , không đọc kết quả sau 8 phút.; - Các chất gây nhiễu không gây ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm: Glucose (2000 mg/dl) ; Human Albumin (2000 mg/dl) ; Hemoglobin (10 mg/dl) ; Uric acid (10 mg/dl), Urea (4000 mg/dl) , Billrubin (2 mg/dl)""	Test	500	
67	Găng tay không bột	Chất liệu bằng cao su tự nhiên không có bột tan, thuận cả hai tay, tính mềm mại, giảm tiết mồ hôi mang lại cảm giác thoải mái và vừa vặn cho người sử dụng - Cổ tay được se viền nên dễ đeo vào và tránh bị rách, ngón tay thẳng- Găng tay không có bột làm từ cao su tự nhiên, màu trắng tự nhiên trơn hoặc có nhám đầu ngón tay, cổ tay gấp, độ cong phù hợp, độ đàn hồi tốt. - Chiều rộng cổ XS: 70±10mm, cỡ S: 80±10mm; cỡ M: 95±10mm, cỡ L: 110±10mm. Chiều dài cổ XS, S tối thiểu 240mm; cỡ M, L tối thiểu 240mm.- Độ dày ngón tay 0.11mm±0.02; Độ dày lòng bàn tay 0.10mm±0.02. Độ dày cổ tay 0.08mm±0.02- Sức căng	Đôi	500	

STT	Tên Hoá chất, vật tư xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
		trước lão hóa tối thiểu 18MPa, sau lão hóa tối thiểu 14MPa. - Mức độ bột tối đa: 2mg/dm ² - Hàm lượng protein tối đa 200µg/g.			
Tổng cộng: 67 mặt hàng					

Tên công ty/đơn vị.....

Địa chỉ.....

Điện thoại.....

Email..... Website.....

BIỂU MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số /KSBT-KHNV ngày /6/2025 của TTKSBT)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá Hoá chất, vật tư xét nghiệm như sau:

1. Báo giá Hoá chất, vật tư xét nghiệm:

STT	Danh mục Hoá chất, VTXN	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/Khối lượng	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	...													
2														
	...													

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ...**3. Chúng tôi cam kết:**

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu)